| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **105**/2024/DS-PT
Ngày: 31-5-2024
*V/v* "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy giao dịch, chuyển giao nghĩa vụ trả nợ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quang Ninh
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Nguyễn Thị Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Tân- Kiểm sát viên

Trong các ngày 27 và ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLPT ngày 11/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy giao dịch chuyển giao nghĩa vụ trả nợ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

**** Bị đơn:*** Bà Lê Thị M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 600, Phạm Ngọc Thạch, khu 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phạm Đức Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của ông Th:

Ông Lê Văn M1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 1, ấp Vĩnh Tiến, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Bảo A, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Ấp Thuận Bình, xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

3. Ông Phạm Hùng C1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Vào năm 2022, 2023 thì ông Th có vay bà nhiều lần tiền, cụ thể vào ngày 11/5/2022 ông Th vay 1,2 tỷ bằng tiền mặt; Ngày 31/10/2022 vay số tiền 700.000.000đ bằng chuyển khoản; Ngày 14/12/2022 vay số tiền 250.000.000đ bằng chuyển khoản; Ngày 14/12/2022 vay số tiền 300.000.000đ chuyển khoản; ngày 01/2/2023 vay 300.000.000đ chuyển khoản. Tổng số tiền là 2.750.000.000đ, ông Th chưa trả được đồng nào cho bà.

Về lãi suất ông Th trả cho bà 1.5000đ/triệu/ngày, ông Th trả tháng 6/2023 thì không trả nữa và bà có đến đòi nhiều lần nhưng ông Th không có tiền trả gốc và lãi.

Ngày 02/8/2023, ông Th và bà M có đến nhà bà T làm một giấy xác nhận trả nợ thay với nội dung bên bà M phải thực hiện việc tách thửa đất chiều dài 30m, chiều sâu là 45m tại huyện Bù Gia Mập, số đất này tương đương với số tiền 2.100.000.000đ, còn lại số tiền 650.000.000đ ông Th cam kết trả dần cho bà M, thời hạn tách thửa đến ngày 22/8/2023 nếu không thực hiện thì bà M phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Th số tiền 2.100.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó đến ngày 05/8/2023 thì ông Th, bà M lại sang nhà bà để thống nhất lại việc nhận nợ và phương án trả nợ thay, theo đó ông Th viết lại giấy xác nhận trả nợ thay và bà M là mẹ ông Th thống nhất trả nợ thay cho ông Th số tiền 2.750.000.000đ, bà M đồng ý tách diện tích đất 8.000m$^2$ đất tại thôn 4, xã L để trả nợ cho bà T, thời hạn thực hiện là 10 ngày kể từ ngày 05/8/2023 (Đối với giấy xác nhận trả nợ thay ngày 02/8/2023 thì đã trả cho ông Th). Việc nhận thay được ông Th viết thành văn bản, có mặt mẹ con bà T, bà M và ông Th, tất cả chữ viết trong giấy xác nhận trả nợ thay là do ông Th viết, sau đó các bên thống nhất ký tên vào văn bản này, việc lập văn bản này là tại nhà bà T và có camera gia đình bà T ghi lại.

Bên bà M không thực hiện đúng thỏa thuận nên nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M phải có nghĩa vụ trả số tiền 2.750.000.000đ theo đúng cam kết, không đồng ý nhận đất.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

***Đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Bà M xác định có thỏa thuận trả nợ thay cho ông Th số tiền 2.750.000.000đ, bằng hình thức tách 8.000m$^2$ đất tại thôn 4, xã L, bà M không có cam kết trả tiền thay cho ông Th, bà M không vay mượn với bà T và cũng không liên quan gì số tiền này giữa ông Th và bà T. Đối với nội dung thực hiện cam kết trong 10 ngày thì bà M không biết và cũng không cam kết nội dung này, phần này được ghi thêm sau khi bà M ký xác nhận, hiện bà M đang giữ một hình ảnh chụp giấy xác nhận trả nợ thay ngày 05/8 khi bà M ký tên thì không có nội dung cam kết thực hiện 10 ngày. Nay bà M không đồng ý tiếp tục thực hiện và đề nghị hủy giấy xác nhận trả nợ thay. Đối với số tiền 2.750.000.000đ, ông Th nợ bà T thì giữa ông Th, bà T tự giải quyết với nhau.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng C1 thống nhất lời trình bày của bà T và không bổ sung gì.***

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th trình bày:***

Ông Th thừa nhận có vay của bà T số tiền 2.750.000.000đ, số tiền này ông chưa trả cho bà T và là khoản vay cá nhân, không liên quan đến ai trong gia đình. Do bên bà T gây sức ép buộc gia đình ông phải trả nợ thay cho ông nên mẹ ông là bà M có thỏa thuận với bà T trả nợ thay cho ông bằng cách cấn trừ đất, việc thỏa thuận này được lập thành văn bản vào ngày 05/8/2023.

Sau đó ông có thuê công ty đo vẽ kiểm tra diện tích đất có sự chứng kiến của mẹ con bà T phần đất 8 sào để chuẩn bị hồ sơ tách thửa và chuyển nhượng cho bà T theo văn bản thỏa thuận ngày 05/8/2023.

Đối với phần nội dung: Thời gian đo để tách thửa 10 ngày kể từ ngày ký trong giấy xác nhận trả nợ thay ngày 05/8/2023 vì lúc đó bà T thúc ép và gây áp lực nên ông phải làm theo ý bà T để kéo dài thời gian trả nợ cho bà T và mẹ ông hoàn toàn không biết việc này, việc này là do ông tự viết thêm vào.

Nay trong trường hợp nếu thỏa thuận trả nợ thay bằng cách cấn trừ tiền nợ bằng quyền sử dụng đất theo giấy xác nhận nợ ngày 05/8/2023 giữa mẹ ông và bà T không được tiếp tục thực hiện thì ông sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền vay cho bà T theo quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày***

Thửa đất là tài sản chung của vợ chồng nên ông nhất trí với phương án cắt đất cho bà T, còn đối với số tiền vay thì không liên quan gì đến gia đình ông nên ông không có trách nhiệm gì với số tiền vay này.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc: 2.750.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M.

Tuyên hủy thỏa thuận phương thức trả nợ bằng hình thức cấn trừ đất giữa bà Lê Thị M, ông Phạm Đức Th và bà Nguyễn Thị T trong giấy xác nhận trả nợ ngày 05/8/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/12/2023 bị đơn bà Lê Thị M và ngày 31/01/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện uỷ quyền của bị đơn bà Lê Thị M là ông Nguyễn Văn H và người đại diện uỷ quyền của người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th là ông Lê Văn M1 thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo từ sửa bản án sang huỷ bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà M và ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện P.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th làm trong thời gian luật định, hình

thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự đều thống nhất từ tháng 5/2022 đến tháng 2/2023, ông Th có vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền 2.750.000.000đ, ông Th hẹn đến ngày 15/8/2023 thanh toán số tiền nói trên cho bà T (BL 74). Tuy nhiên khi chưa đến hạn trả nợ cho bà T, ngày 02/8/2023, ông Th, bà M (mẹ ông Th) và bà T thỏa thuận phương án trả nợ cho bà T, theo đó bà M đồng ý tách thửa đất tại xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập cho bà T để cấn trừ số nợ 2.100.000.000đ, số tiền còn lại ông Th tiếp tục trả dần cho bà T. Sau đó vào ngày 05/8/2023, hai bên thay đổi lại thỏa thuận trả nợ, theo đó hai bên lập giấy xác nhận trả nợ thay với hai nội dung: thứ nhất bà Lê Thị M đồng ý trả số tiền đã vay 2.750.000.000đ cho bà T mà trước đây ông Th đã vay; thứ hai bà M đồng ý tách diện tích đất 8.000m$^2$ tại thôn 4, xã L để cấn trừ nợ và hai bên thống nhất hủy giấy xác nhận trả nợ thay ngày 02/8/2023 (BL 75).

[2.2] Tại phiên Toà phúc thẩm đại diện uỷ quyền của bà M và ông Th cho rằng việc thoả thuận thời hạn đo đạc để tách thửa bà M không biết và cũng không cam kết nội dung này, sau khi thoả thuận phía bà M ông Th đã tiến hành đo đạc để tách thửa (có xác nhận của Công ty đo đạc) nhưng do bà T không đồng ý nhận đất để cấn trừ nợ cho ông Th. Như vậy, việc không thực hiện được thoả thuận trên là do lỗi của bà T nên bà M không đồng ý tiếp tục thực hiện và đề nghị hủy giấy xác nhận trả nợ thay ngày 05/8/2023. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn cung cấp USB để cho rằng bà M biết việc cam kết về thời gian đo đạc để tách thửa cho bà T và bà T có liên hệ với bà M để yêu cầu bà M thực hiện nghĩa vụ ngày 23/8/2023, nội dung này không được bà M thừa nhận, tuy nhiên những mâu thuẫn này chưa được cấp sơ thẩm công khai đối chất làm rõ. Mặt khác tại thời điểm thoả thuận cắt một phần đất để trả nợ ông C và các thành viên trong hộ ông C không ký vào thoả thuận nhưng ý chí của ông C và các thành viên trong hộ đều đồng ý cắt đất để cấn trừ nợ cho ông Th như thoả thuận ngày 05/8/2023, nhưng quá trình giải quyết vụ án, Toà cấp sơ thẩm không làm rõ ý chí của những thành viên trong hộ nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định *" ... việc thoả thuận không được ông C và các thành viên trong hộ đồng ý*" là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nhận định đánh giá một cách chủ quan không đúng với bản chất nội dung của việc thoả thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm.

[3]. Xét ý kiến của người đại diện uỷ quyền của bà M và ông Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án Toà cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thủ tục đối chất để làm rõ thời hạn tách thửa và nội dung thực hiện thoả thuận giữa các bên nhưng bà M và ông Th vắng mặt nên việc đối chất không thực hiện được (BL 43). Đối với nội dung các video trong USB mà bà T cung cấp đã được công bố công khai tại phiên toà (BL88) và được ông H thừa nhận tại phiên toà phúc thẩm, nhưng

ông H cho rằng phía bà M không thừa nhận nhưng sau khi xét xử sơ thẩm phía bà M cũng không có ý kiến gì. Mặt khác việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ ngày 05/8/2023 thể hiện bà M đồng ý trả nợ thay cho ông Th số tiền vay 2.750.000.000đ cho bà T, và bà M đồng ý cắt diện tích đất 8.000m$^2$ tại thôn 4, xã L để cấn trừ nợ cho bà T.

Như vậy việc bà M đồng ý cắt phần diện tích đất 8.000m$^2$ tại thôn 4, xã L để cấn trừ nợ cho bà T được xem là một phương thức trả nợ mặc dù người đại diện theo ủy quyền của bà M cho rằng, phương thức trả nợ là điều kiện để bà M nhận trả số tiền 2.750.000.000đ cho bà T nhưng tại nội dung giấy xác nhận trả nợ thay ngày 05/8/2023 không thể hiện nội dung thỏa thuận như người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày. Xét việc các bên thỏa thuận phương thức cắt phần diện tích đất 8.000m$^2$ để cấn trừ nợ nhưng thỏa thuận này không thực hiện được bởi lẽ, việc cấn trừ nợ bằng đất, các bên phải thông qua giao dịch chuyển quyền sử dụng đất theo các quy định của pháp luật Đất đai, việc thoả thuận cấn trừ nợ như trên không thể thực hiện được khi có một trong các bên không đồng ý thực hiện cam kết và khi có tranh chấp thì không có căn cứ và chế tài nào để buộc các bên phải thực hiện cam kết nêu trên. Do đó, phương thức thỏa thuận trả nợ bằng hình thức cắt một phần đất không thực hiện được, việc thỏa thuận này là trái pháp luật nên không có hiệu lực thi hành đối với các bên. Vì vậy việc làm rõ ý chí của những thành viên trong hộ ông C bà M là không cần thiết và không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như ý kiến của đại diện của người đại diện uỷ quyền của bà M và ông Th.

[3.2] Xét nội dung thỏa thuận thứ nhất thấy rằng về khoản vay 2.750.000.000đ là khoản vay thật, ông Th, bà M đều thừa nhận chưa trả cho bà T, bà M đứng ra nhận trả nợ thay cho ông Th được bà T đồng ý nên việc thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 370 của Bộ Luật dân sự và có giá trị hiệu lực đối với các bên, theo đó bà M trở thành bên có nghĩa vụ đối với bà T. Nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện để yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ trả nợ thay số tiền 2.750.000.000đ cho ông Th là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự.

Vì vậy, Toà cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc: 2.750.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); Chấp nhân một phần yêu cầu phản tố và tuyên hủy thỏa thuận phương thức trả nợ bằng hình thức cấn trừ đất giữa bà Lê Thị M, ông Phạm Đức Th và bà Nguyễn Thị T trong giấy xác nhận trả nợ ngày 05/8/2023 là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th về yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng như cấp sơ thẩm đã tuyên:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 463; 466; 370 của Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc: 2.750.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M.

Tuyên hủy thỏa thuận phương thức trả nợ bằng hình thức cấn trừ đất giữa bà Lê Thị M, ông Phạm Đức Th và bà Nguyễn Thị T trong giấy xác nhận trả nợ ngày 05/8/2023.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị M được miễn.

Bà T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016312 ngày 06/9/2023 tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện P; Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí còn lại 43.200.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Bà M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M được miễn.

Ông Phạm Đức Th phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011071 ngày 29/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quang Ninh**